

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định tổ chức giảng dạy, học tập tiếng Anh
và chuẩn trình độ ngoại ngữ tại trường Đại học Kinh tế - Luật
hệ đại học chính quy tập trung**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 24 tháng 03 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc ĐHQG TP.HCM;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025;

Căn cứ công văn số 955/BGDDT- ĐANN ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn nhiệm vụ trọng tâm năm 2022 của đề án NNQG và đề xuất kế hoạch triển khai tại đơn vị;

Căn cứ Quyết định số 1342/QĐ-DHQG ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP.HCM về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1268/QĐ-ĐHKT ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Luật về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định 1400/QĐ-ĐHKT ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc công nhận nội dung Đề án đổi mới tổ chức đào tạo Ngoại ngữ sau khi đã thông qua Hội đồng thẩm định vào ngày 07 tháng 9 năm 2022;

Căn cứ tờ trình số 26/TTr-ĐT ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Tổ xây dựng Quy định tổ chức giảng dạy, học tập tiếng Anh và chuẩn trình độ ngoại ngữ tại trường Đại học Kinh tế - Luật hệ đại học chính quy tập trung;

Theo đề nghị của Lãnh đạo phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tổ chức giảng dạy, học tập tiếng Anh và chuẩn trình độ ngoại ngữ tại trường Đại học Kinh tế - Luật hệ đại học chính quy tập trung.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, áp dụng cho các khoá tuyển sinh từ tháng 9/2022 và thay thế cho Quyết định 1525/QĐ-ĐHKT ngày 12 tháng 12 năm 2018 của



Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc ban hành Quy định tổ chức giảng dạy, học tập tiếng Anh và chuẩn trình độ ngoại ngữ tại trường Đại học Kinh tế - Luật hệ đại học chính quy tập trung.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng Phòng, Khoa, Bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường, sinh viên Trường Đại học Kinh tế - Luật chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Lê Vũ Nam



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2022

QUY ĐỊNH

TỔ CHỨC GIẢNG DẠY, HỌC TẬP TIẾNG ANH VÀ CHUẨN TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY TẬP TRUNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 151/QĐ-DHKTLC ngày 25 tháng 10 năm 2022
của Trường đại học Kinh tế - Luật)

CHƯƠNG 1 NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Văn bản này quy định việc tổ chức giảng dạy, học tập tiếng Anh và chuẩn trình độ ngoại ngữ đối với các chương trình đào tạo ngoại ngữ không chuyên hệ đại học chính quy tập trung tại Trường Đại học Kinh tế - Luật;
- Văn bản này áp dụng đối với sinh viên các khóa tuyển sinh từ năm 2022 hệ đại học chính quy tập trung;
- Đối với các chương trình đặc biệt khác sẽ áp dụng theo quy định riêng của đề án.

Điều 2. Ngoại ngữ

- Ngoại ngữ trong quy định này được quy định là một (01) trong chín (09) ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Đức, tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật, tiếng Hàn, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Ý (sau đây gọi tắt là ngoại ngữ);
- Các ngoại ngữ khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) và Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) quy định và công nhận;
- Trường Đại học Kinh tế - Luật sử dụng Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (KNLNNVN), ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT để làm cở sở tham chiếu trong việc tổ chức giảng dạy, đánh giá và công nhận chuẩn trình độ ngoại ngữ của người học.

CHƯƠNG 2

TỔ CHỨC GIẢNG DẠY TIẾNG ANH

Điều 3. Chương trình giảng dạy tiếng Anh

1. Mục đích của chương trình giảng dạy tiếng Anh nhằm giúp người học:
 - a) Phát triển toàn diện 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết và tự tin sử dụng tiếng Anh trong môi trường làm việc;
 - b) Đào tạo người học có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong việc tự học và nghiên cứu khoa học;
 - c) Có khả năng học các học phần trong chương trình đào tạo có yêu cầu sử dụng tiếng Anh ở mức độ phù hợp với trình độ đào tạo và ngành đào tạo;
 - d) Đáp ứng chuẩn ngoại ngữ đầu ra của các chương trình đào tạo chính khóa đối với người học của Trường.

2. Cách thức tổ chức

- a) Chương trình tiếng Anh tổng quát dành cho sinh viên các lớp thuộc chương trình đào tạo chuẩn (CTĐT chuẩn) và chất lượng cao (CTĐT CLC) gồm có 5 học phần được sắp xếp từ thấp lên cao: Tiếng Anh nền tảng (Foundation) (7 tín chỉ) và Tiếng Anh 1 (EN21), Tiếng Anh 2 (EN22), Tiếng Anh 3 (EN23), Tiếng Anh 4 (EN24) với số tín chỉ tương ứng của mỗi học phần là 5 tín chỉ;
- b) Chương trình tiếng Anh học thuật dành cho các lớp thuộc chương trình chất lượng cao bằng tiếng Anh gồm có 7 học phần được sắp xếp từ thấp lên cao: IELTS Foundation (FD10, 12 tín chỉ), IELTS 1 (IE01), IELTS 2 (IE02), IELTS 3 (IE03), IELTS 4 (IE04) và Tiếng Anh học thuật 1 (TAHT1), Tiếng Anh học thuật 2 (TAHT2) với 4 tín chi/học phần. TAHT1 và TAHT2 là 2 học phần tự chọn; sinh viên có điểm IELTS từ 6.0 trở lên có thể lựa chọn tham gia 2 học phần TAHT1 và TAHT2; sinh viên phải hoàn thành các học phần theo quy định khi đã tham gia chương trình TAHT1 và TAHT2;
- c) Sinh viên phải tham dự kỳ thi kết thúc các học phần tiếng Anh theo quy định của Trường, nếu đạt điểm học phần hiện tại thì mới được đăng ký học phần cao hơn kế tiếp.

Điều 4. Xếp cấp độ học tiếng Anh chính khóa

1. Sinh viên không có chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định hiện hành sẽ phải tham gia kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh đầu vào do Trường tổ chức ở đầu học kỳ 1 năm thứ nhất;
2. Sinh viên không tham gia kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh đầu vào hoặc không được nhà Trường cho phép bảo lưu tham gia với khóa tuyển sinh sau sẽ phải học chương trình tiếng Anh nền tảng;

3. Căn cứ kết quả kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh đầu vào đầu mỗi khóa học, sinh viên sẽ được xếp vào các học phần sau:

Chương trình tiếng Anh Tổng quát (dành cho sinh viên thuộc các chương trình đào tạo chuẩn và chất lượng cao)	Chương trình tiếng Anh Học thuật (dành cho sinh viên thuộc các chương trình đào tạo Chất lượng cao bằng tiếng Anh)
Tiếng Anh nền tảng	IELTS Foundation
Tiếng Anh 1	IELTS 1
Tiếng Anh 2	IELTS 2
Tiếng Anh 3	IELTS 3
Tiếng Anh 4	IELTS 4
-	TAHT1 (lựa chọn)
-	TAHT2 (lựa chọn)

4. Căn cứ vào kết quả chứng chỉ tiếng Anh quốc tế do các cơ quan khảo thí quốc tế có thẩm quyền cấp trong bảng dưới đây, sinh viên sẽ được sắp xếp lớp học phần phù hợp theo cấp độ tương ứng, cụ thể như sau:

Học phần tiếng Anh chính khóa			Cấp độ CEFR chi tiết	IELTS	TOEFL iBT	TOEIC	
CT chuẩn	CT CLC + CNTN+ ngành 408 CT chuẩn, 415	CT CA				TOEIC * (nghe, đọc)	TOEIC * (nói,viết)
Tiếng Anh 1 (EN21)	Tiếng Anh 1 (EN21)		A2.2	-	-	171-225	121-160
Tiếng Anh 2 (EN22)	Tiếng Anh 2 (EN22)		B1.1	-	<31	226-315	161-180
Tiếng Anh 3 (EN23)	Tiếng Anh 3 (EN23)		B1.2	4.0	32-34	316-400	181-200

Học phần tiếng Anh chính khóa			Cấp độ CEFR chi tiết	IELTS	TOEFL iBT	TOEIC	
CT chuẩn	CT CLC + CNTN+ ngành 408 CT chuẩn, 415	CT CA				TOEIC * (nghe, đọc)	TOEIC * (nói,viết)
Tiếng Anh 4 (EN24)	Tiếng Anh 4 (EN24)		B1.3	4.5	35-45	401-475	201-220
		IELTS1	B1.4	5.0	46-58	476-549	221-239
		IELTS3	B2.1	5.5	59-78	550-669	240-269

Điều 5. Chuẩn tiếng Anh trong quá trình học

1. Chuẩn tiếng Anh của sinh viên thuộc các chương trình đào tạo chuẩn và chất lượng cao phải đạt trong quá trình học (QT) áp dụng với cả sinh viên học tiếng Anh nền tảng và tiếng Anh chính khóa như sau:

Thời điểm	Chuẩn đầu vào QT	Chuẩn đầu ra QT	Ghi chú
Học kỳ thứ 1 (Tiếng Anh nền tảng)	< A2.2	A2.2	Nếu sinh viên không đạt được chuẩn tiếng Anh đầu vào quá trình học hoặc đang tham gia học phần tiếng Anh nền tảng thì sẽ bị giới hạn số tín chỉ đăng ký, cụ thể sinh viên chỉ được đăng ký tối đa 11 tín chỉ (bao gồm các tín chỉ của ngành 2); không bao gồm tín chỉ tiếng Anh, GDTC, GDQP.
Học kỳ thứ 1	A2.2	B1.1	
Học kỳ thứ 2	B1.1	B1.2	
Học kỳ thứ 3	B1.2	B1.3	
Học kỳ thứ 4	B1.3	B1.4	

Thời điểm	Chuẩn đầu vào QT	Chuẩn đầu ra QT	Ghi chú
Học kỳ thứ 6	Đối với CTĐT chuẩn: tương đương TOEIC 4 kỹ năng. - Nghe, Đọc: 500 - Nói, Viết: 221 Đối với CTĐT CLC, CNTN, 408	đại trà, 415: tương đương TOEIC 4 kỹ năng. - Nghe, Đọc: 550 - Nói, Viết: 240	Nếu sinh viên không đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ của chương trình đào tạo (theo khoản 2 Điều 10) sẽ bị hạn chế số lượng tín chỉ đăng ký trong học kỳ thứ 6. Số tín chỉ đăng ký tối đa bằng tổng số tín chỉ trong kỳ thứ 6 của chương trình đào tạo trừ ba (-03) tín chỉ.
Học kỳ thứ 7			Nếu sinh viên không đạt được chuẩn tiếng Anh đầu ra theo quy định thì sẽ không được đăng ký các học phần của học kỳ thứ 7 hoặc học kỳ thứ 8 của chương trình đào tạo.

2. Chuẩn tiếng Anh của sinh viên thuộc các chương trình đào tạo Chất lượng cao bằng tiếng Anh (CA) phải đạt trong quá trình học (QT) áp dụng với cả sinh viên học IELTS Foundation và tiếng Anh chính khóa, như sau:

Thời điểm	Chuẩn đầu vào QT	Chuẩn đầu ra QT	Ghi chú
Học kỳ thứ 1 (IELTS Foundation)	< IELTS 5.0	IELTS 5.0	
Học kỳ thứ 1	Hoàn thành IELTS Foundation	Hoàn thành Học phần IELTS 1	Nếu sinh viên không đạt được chuẩn đầu vào tiếng Anh trong quá trình học hoặc đang tham gia IELTS Foundation thì sẽ bị giới hạn số tín chỉ đăng ký, cụ thể sinh viên chỉ được đăng ký tối đa 11 tín chỉ (bao gồm các tín chỉ của ngành 2); GDTC, GDQP.
Học kỳ thứ 2	Hoàn thành học phần IELTS 1	Hoàn thành học phần IELTS 2	
Học kỳ thứ 3	Hoàn thành học phần IELTS 2	Hoàn thành học phần IELTS 3	



Thời điểm	Chuẩn đầu vào QT	Chuẩn đầu ra QT	Ghi chú
Học kỳ thứ 4	Hoàn thành học phần IELTS 3	Hoàn thành học phần IELTS 4	
Học kỳ thứ 6	Chứng chỉ Quốc tế IELTS 6.0 hoặc tương đương		Nếu sinh viên không đạt được chuẩn tiếng Anh đầu ra theo quy định, số tín chỉ đăng ký trong học kỳ thứ 6 bằng tổng số tín chỉ học kỳ thứ 6 của chương trình đào tạo trừ ba (-03) tín chỉ.
Học kỳ thứ 7			Nếu sinh viên không đạt được chuẩn tiếng Anh đầu ra theo quy định thì sẽ không được đăng ký các học phần của học kỳ thứ 7 hoặc học kỳ thứ 8 của chương trình đào tạo.

Điều 6. Quản lý học vụ

1. Các học phần tiếng Anh chính khóa được tổ chức và quản lý giảng dạy theo học chế tín chỉ nhưng không tính vào tổng khối lượng của toàn bộ chương trình đào tạo;
 2. Điểm trung bình các học phần tiếng Anh chính khóa được quản lý liên tục trong suốt quá trình đào tạo, được tính vào tín chỉ trung bình học kỳ để xét học bỗng và sẽ được thể hiện trên bảng điểm tốt nghiệp như một khối kiến thức chuyên biệt thể hiện khả năng tiếng Anh của sinh viên;
 3. Sinh viên không nộp chứng chỉ ngoại ngữ để xét miễn theo quy định tại Điều 9 thì phải theo học các cấp độ tiếng Anh chính khóa được phân bổ;
 4. Sinh viên chưa đạt trình độ tiếng Anh để tham gia chương trình chính khóa theo quy định, sinh viên phải tham gia học tiếng Anh nền tảng (Foundation) tại Trường;
 5. Sinh viên phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định hiện hành về trường trước 2 tuần kể từ khi bắt đầu học kỳ, hoặc sử dụng kết quả bài thi đánh giá năng lực quá trình để xét bỏ chặn tín chỉ và miễn học phần ngoại ngữ trong chương trình.
- 

CHƯƠNG 3

XÉT MIỄN HỌC, MIỄN THI HỌC PHẦN TIẾNG ANH CHÍNH KHÓA

Điều 7. Đối tượng áp dụng

1. Sinh viên đại học chính quy tập trung chương trình chuẩn và chương trình chất lượng cao được xét miễn học và miễn thi các cấp độ tiếng Anh quá trình chính khóa nếu đảm bảo một trong các điều kiện:

a) Có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế do các cơ quan khảo thí quốc tế có thẩm quyền cấp hoặc chứng chỉ tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (KNLNNVN) (theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT) (còn thời hạn giá trị) để làm cơ sở tham chiếu trong việc tổ chức giảng dạy, đánh giá và công nhận chuẩn trình độ ngoại ngữ của người học với số điểm theo khoản 4 Điều 4 của Quy định này.

b) Tham gia Kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh quá trình do Trường tổ chức và có kết quả thi bảo đảm ngưỡng các bậc theo thông báo của Trường.

2. Sinh viên chương trình chất lượng cao bằng tiếng Anh chỉ được xét miễn học và miễn thi các cấp độ tiếng Anh chính khóa khi đạt mức điểm tối thiểu tương đương với chứng chỉ IELTS 6.0.

Điều 8. Thời hạn giá trị và các chứng chỉ tiếng Anh được công nhận

1. Chứng chỉ tiếng Anh được công nhận bao gồm: Chứng chỉ TOEFL iBT, TOEIC của ETS (Viện Khảo thí Giáo dục Hoa Kỳ), chứng chỉ IELTS của British Council (Hội đồng Anh), hoặc University of Cambridge ESOL (Hội đồng Khảo thí tiếng Anh trường Đại học Cambridge) hoặc IDP Education Australia (Tổ chức giáo dục của Úc tại Việt Nam), Chứng chỉ Cambridge Assessment English, Chứng chỉ theo khung năng lực 6 bậc (Bộ giáo dục và Đào tạo quy định và công nhận).

2. Thời hạn có giá trị của tất cả chứng chỉ được công nhận theo quy định là 2 năm kể từ ngày cấp tới thời điểm xét miễn học, miễn thi, đạt chuẩn đầu ra.

3. Bảng chứng chỉ sử dụng để xét chuẩn quá trình được quy định tại khoản 4 Điều 4 Quy định này.

Điều 9. Thời hạn và thủ tục xin miễn học và miễn thi

1. Đối với sinh viên có nguyện vọng xét miễn/giảm các cấp độ tiếng Anh chính khóa tại trường phải nộp chứng chỉ/bảng điểm (bản photo có công chứng) để được miễn học và miễn thi các học phần tiếng Anh 02 tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới.

2. Trường không giải quyết các trường hợp gửi đơn sau thời hạn nêu trên.



CHƯƠNG 4
CHUẨN TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Điều 10. Văn bằng, chứng chỉ được sử dụng để công nhận đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ đầu ra

1. Văn bằng

a) Văn bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ hoặc tiến sĩ trong nước, nước ngoài mà ngành học là 01 trong 09 ngoại ngữ được quy định tại Khoản 1, Điều 2 Quy định này;

b) Văn bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ hoặc tiến sĩ trong nước, nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng toàn phần trong đào tạo là 01 trong 09 ngoại ngữ được quy định tại Khoản 1, Điều 2 Quy định này không qua phiên dịch, được Cục quản lý chất lượng - Bộ GD&ĐT công nhận văn bằng.

2. Chứng chỉ ngoại ngữ

a) Chứng chỉ ngoại ngữ bao gồm các loại chứng chỉ, với mức tối thiểu sau đây:
 - Tiếng Anh

Chứng chỉ	CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN	CHƯƠNG TRÌNH CLC + CNTN + ngành 408 CT chuẩn, 415	CHƯƠNG TRÌNH CLC TIẾNG ANH
IELTS	5.0	5.5	6.0
Cambridge Assessment English	B1 First/B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/Linguaskill thang điểm : 150	B2 First/B2 Preliminary/B2 Business Preliminary/B2 Business Vantage /Linguaskill thang điểm : 160	B2 First/B2 Preliminary/B2 Business Preliminary/ B2 Business Vantage/Linguaskill thang điểm : 170
TOEFL iBT	46	59	79
TOEIC (*)	- Nghe, Đọc: 500 - Nói, Viết: 221	- Nghe, Đọc: 550 - Nói, Viết: 240	- Nghe, Đọc: 670 - Nói, Viết: 270
Chứng chỉ theo khung năng lực 6 bậc (Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định và công nhận)	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 4

(*) sinh viên cần đạt được cùng lúc chứng chỉ TOEIC (Nghe, Đọc) và TOEIC (Nói, Viết) với mức điểm tối thiểu tương ứng.

- Các ngoại ngữ khác

Cấp độ CEFR	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn	Tiếng Tây Ban Nha	Tiếng Ý
CEFR B1	TRKI 1	DELF B1 TCF B1	B1 ZD TDN3	HSK level 3	JLPT N4	TOPIK 3	DELE B1	PLIDA B1

b) Thời hạn công nhận chứng chỉ: trong thời hạn hai (02) năm tính từ ngày cấp cho đến ngày đăng ký xác nhận đạt chuẩn.

Điều 11. Xét công nhận đạt chuẩn ngoại ngữ đầu ra

1. Định kỳ mỗi học kỳ hoặc vào các đợt xét tốt nghiệp hàng năm, Trường tổ chức “Xét công nhận đạt chuẩn ngoại ngữ đầu ra” cho các sinh viên có văn bằng, chứng chỉ đạt đủ chuẩn theo điều 10 và còn trong thời hạn hai (02) năm tính từ ngày cấp cho đến ngày đăng ký xét công nhận đạt chuẩn;

2. Trường hợp sinh viên là người có quốc tịch nước ngoài, hoặc đang theo học các đề án đặc biệt, Trường xem xét, kiểm tra cho phép sinh viên được miễn các học phần tiếng Anh chính khóa, xét thông qua chuẩn ngoại ngữ đầu ra;

3. Trường ra quyết định công nhận chuẩn đầu ra ngoại ngữ cho sinh viên và quyết định miễn các học phần tiếng Anh chính khóa đối với sinh viên đạt chuẩn ngoại ngữ đầu ra theo quy định. Các quyết định này có hiệu lực cho đến khi sinh viên xét tốt nghiệp ra trường./.../